

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong lĩnh vực thủy lợi
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-BNNMT, ngày 15/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT, ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 23 (Hai mươi ba) thủ tục hành

chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:

- Mới ban hành: **05 (Năm)** thủ tục hành chính;
- Sửa đổi, bổ sung: **12 (Mười hai)** thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025.

2. Thủ tục hành chính cấp xã:

- Công bố mới: **06 (Sáu)** thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung nội dung công bố tại các số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13 của Mục I tại phần I Danh mục thủ tục hành chính và nội dung cụ thể tương ứng của từng TTHC tại phần II, ban hành kèm theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 11 (Mười một) quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 05 (Năm) quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

2. Thủ tục hành chính cấp xã: 06 (Sáu) quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng danh mục thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục

hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025 và thay thế Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- TTPVHCC, P.KT-NV;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH LONG

(Kèm Quyết định số /UBND, ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
LĨNH VỰC THỦY LỢI							
I. CẤP TỈNH							
1	1.003232.H61	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1; điểm c khoản 2; điểm b khoản 4; điểm c khoản 7- Điều 12, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
2	1.003221.H61	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1; điểm b khoản 2; khoản 4 - Điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
3	1.003211.H61	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, 3; điểm c khoản 4 và điểm c khoản 5 - Điều 7, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
4	1.003203.H61	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Khoản 1, 2; điểm c khoản 4; điểm c, d khoản 5 - Điều 26, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - <i>Khoản 2 Điều 15</i> Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
5	1.003188.H61	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, 2; điểm c khoản 5 - Điều 23, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
				công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		quản lý an toàn đập, hồ chứa nước - Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
II. CẤP XÃ							
1	1.013768.H61	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 4, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
2	1.003446.H61	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã .	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
3	1.003440.H61	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã .	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1; khoản 3; điểm a khoản 4; điểm a khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
4	1.003347.H61	Phê duyệt, công bố công khai quy trình	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	hồ sơ theo quy định.	ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến. - Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã .		19/6/2017; - Khoản 2, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
5	2.001627.000.00.00.H61	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến. - Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã .	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018; - Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
6	1.003471.H61	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc trực tuyến. - Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã .	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 3, Điều 17, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
LĨNH VỰC THỦY LỢI							
I. CẤP TỈNH							
1	1.004427.000 .00.00.H61	<i>Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh¹.</i>	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

¹ Tên TTHC “Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 1.004427) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						<i>lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</i> - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
2	2.001796.000.00.00.H61	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của <i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i> ² .	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2,	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

² Tên TTHC “Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 2.001796) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						<i>Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;</i> <i>- Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.</i>	
3	2.001426.000.00.00.H61	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 17; khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 10, khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		<i>tịch UBND cấp tỉnh³.</i>				14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
4	2.001795.000.00.00.H61	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ

³ Tên TTHC “Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 2.001426) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		<i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh⁴.</i>		công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		của Luật Thủy lợi; - Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.
5	1.003870.000.00.00.H61	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017;	Quyết định số 1490/QĐ-

⁴ Tên TTHC “Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 2.001795) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		<i>và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh⁵.</i>	định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định	UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

⁵ Tên TTHC “Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 1.003870) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						<i>thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.</i>	
6	1.003921.000.00.00.H61	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của <i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i> ⁶ .	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 17 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 12 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

⁶ Tên TTHC “Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 1.003921) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						<i>BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.</i>	
7	1.003893.000.00.00.H61	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của <i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i> ⁷ .	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 17 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 12 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

⁷ Tên TTHC “Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 1.003893) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
8	2.001793.000.00.00.H61	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh ⁸ .	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

⁸ Tên TTHC “Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 2.001739) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						- Khoản 2, Điều 27, Mục 2, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
9	1.004385.000.00.00.H61	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của <i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i> ⁹ .	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, 21 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

⁹ Tên TTHC “Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 1.004385) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
10	2.001791.000.00.00.H61	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh ¹⁰ .	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 8, 9 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

¹⁰ Tên TTHC “Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 2.001791) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
						điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
11	1.003880.000.00.00.H61	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Khoản 10, điểm c- khoản 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		<i>cấp tỉnh¹¹.</i>				của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	
12	2.001401.000 .00.00.H61	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.v	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017; - Điều 13, 17, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;	Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh

¹¹ Tên TTHC “Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 1.003880) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định quy trình nội bộ
		nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của <i>Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i> ¹² .		n)		- Khoản 10, 11 Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi.	Long.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

¹² Tên TTHC “Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.” (mã TTHC 2.001401) được công bố tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long đã được Bộ Nông nghiệp & Môi trường công bố sửa đổi, bổ sung bằng tên này.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH LONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính
	LĨNH VỰC THỦY LỢI
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
1	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003211.H61)
2	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003203.H61)
3	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003188.H61)
4	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003232.H61)
5	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003221.H61)
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
1	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (1.013768.H61)
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003446.H61)
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc

	thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440.H61)
4	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.003347.H61)
5	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp (2.001627.000.00.00.H61)
6	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.003471.H61)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003232.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức thẩm định hồ sơ - Kiểm tra thực địa (nếu cần)	21 ngày
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Kiểm tra lại hồ sơ và trình lãnh đạo đơn vị.	01 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo đơn vị	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày
<i>Bước 4</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trình lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
<i>Bước 5</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý hồ sơ	Kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	5,5 ngày
<i>Bước 6</i>			Trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	

<i>Bước 7</i>			Trình lãnh đạo UBND tỉnh	
<i>Bước 8</i>			Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ký Quyết định phê duyệt phương án hoặc ký văn bản thông báo không phê duyệt phương án.	
<i>Bước 9</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 30 ngày làm việc			

2. Tên thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.003221.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức thẩm định hồ sơ - Kiểm tra thực địa (nếu cần)	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Kiểm tra lại hồ sơ và trình lãnh đạo đơn vị.	0,5 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo đơn vị	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày

<i>Bước 4</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trình UBND tỉnh	0.5 ngày
<i>Bước 5</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý	Kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	4,5 ngày
<i>Bước 6</i>			Trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	
<i>Bước 7</i>			Trình lãnh đạo UBND tỉnh	
<i>Bước 8</i>			Ký Quyết định phê duyệt	
<i>Bước 9</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 15 ngày làm việc			

3. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003211.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức thẩm định hồ sơ - Kiểm tra thực địa (nếu cần)	6 ngày

		Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Kiểm tra lại hồ sơ và trình lãnh đạo đơn vị.	0,5 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo đơn vị	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
<i>Bước 4</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trình UBND tỉnh	0,5 ngày
<i>Bước 5</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý	Kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	3,5 ngày
<i>Bước 6</i>			Trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	
<i>Bước 7</i>			Trình lãnh đạo UBND tỉnh	
<i>Bước 8</i>			Ký Quyết định phê duyệt phương án	
<i>Bước 9</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 12 ngày làm việc			

4. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003203.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày

<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức thẩm định hồ sơ - Kiểm tra thực địa (nếu cần)	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Kiểm tra lại hồ sơ và trình lãnh đạo đơn vị.	0,5 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo đơn vị	- Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
<i>Bước 4</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trình UBND tỉnh	0.5 ngày
<i>Bước 5</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý	Kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	3,5 ngày
<i>Bước 6</i>			Trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	
<i>Bước 7</i>			Trình lãnh đạo UBND tỉnh	
<i>Bước 8</i>			Ký Quyết định phê duyệt phương án	
<i>Bước 9</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 12 ngày làm việc			

5. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (1.003188.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Chi cục Thủy lợi	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức thẩm định hồ sơ - Kiểm tra thực địa (nếu cần)	18 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Kiểm tra lại hồ sơ và trình lãnh đạo đơn vị.	0,5 ngày
<i>Bước 4</i>		Lãnh đạo đơn vị	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày
<i>Bước 5</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trình UBND tỉnh	0.5 ngày
<i>Bước 6</i>	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý	Kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND tỉnh	4,5 ngày
<i>Bước 7</i>			Trình lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	
<i>Bước 8</i>			Trình lãnh đạo UBND tỉnh Quyết định phê duyệt	
<i>Bước 9</i>			Ký Quyết định phê duyệt phương án	

<i>Bước 10</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 25 ngày làm việc			

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên Thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (1.013768.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Phòng chuyên môn thuộc UBND xã	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và trả hồ sơ để hoàn chỉnh theo quy định. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường. - Tổ chức thẩm định hồ sơ; - Lập biên bản thẩm định	17 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
<i>Bước 4</i>	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt	01 ngày

			phương án - Giao kết quả lại cho bộ phận một cửa	
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc			

2. Tên Thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003446.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Phòng chuyên môn thuộc UBND xã	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và trả hồ sơ để hoàn chỉnh theo quy định. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường. - Tổ chức thẩm định hồ sơ; - Lập biên bản thẩm định	17 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày

<i>Bước 4</i>	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt phương án - Giao kết quả lại cho bộ phận một cửa	01 ngày
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc				

3. Tên Thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Phòng chuyên môn thuộc UBND xã	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và trả hồ sơ để hoàn chỉnh theo quy định. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường. - Tổ chức thẩm định hồ sơ; - Lập biên bản thẩm định	17 ngày
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo phòng	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày

		chuyên môn		
<i>Bước 4</i>	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt phương án - Giao kết quả lại cho bộ phận một cửa	01 ngày
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc			

4. Tên Thủ tục hành chính: Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.003347.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Phòng chuyên môn thuộc UBND xã	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và trả hồ sơ để hoàn chỉnh theo quy định. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường. - Tổ chức thẩm định hồ sơ; - Lập biên bản thẩm định	25 ngày

<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp xã	02 ngày
<i>Bước 4</i>	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt phương án - Giao kết quả lại cho bộ phận một cửa	02 ngày
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện: 30 ngày làm việc				

5. Tên Thủ tục hành chính: Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp (2.001627.000.00.00.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Phòng chuyên môn thuộc UBND xã	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và trả hồ sơ để hoàn chỉnh theo quy định. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường. - Tổ chức thẩm định hồ sơ;	17 ngày

			- Lập biên bản thẩm định	
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
<i>Bước 4</i>	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt phương án - Giao kết quả lại cho bộ phận một cửa	01 ngày
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc			

6. Tên Thủ tục hành chính: Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.003471.H61)

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian (ngày làm việc)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả - Chuyển hồ sơ	0,5 ngày
<i>Bước 2</i>	Phòng chuyên môn thuộc UBND xã	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và trả hồ sơ để hoàn chỉnh theo quy định. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường. - Tổ chức thẩm định hồ sơ;	07 ngày

			- Lập biên bản thẩm định	
<i>Bước 3</i>		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Xem xét hồ sơ trình Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
<i>Bước 4</i>	UBND cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, phê duyệt hoặc không phê duyệt phương án - Giao kết quả lại cho bộ phận một cửa	01 ngày
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Công chức bộ phận 01 cửa	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	0,5 ngày
	Tổng thời gian thực hiện: 10 ngày làm việc			